

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ - ST

Ngày 11-7-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Cần

2. Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 11/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST- HNGĐ ngày 05/4/2017 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T; sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị T, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2017, trong bản tự khai ngày 05/4/2017 cũng nh tại phiên tòa hôm nay, chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2016 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, nên luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng luôn cãi cọ, xúc phạm nhau. Tuy đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Đến tháng 10/2016 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Thị Thu H, sinh ngày 02/10/2016. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 800.000đ(Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2017 anh T trình bày:

-Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh hay đi làm xa, chị T lại có tính ghen tuông vô cớ nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại chị T đã đưa con về nhà ngoại và vợ chồng anh đang sống ly thân. Tuy nhiên anh T cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên anh yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ, anh không muốn ly hôn với chị T.

-Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Thị Thu H sinh ngày 02/10/2016. Nếu ly hôn, anh yêu cầu giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

-Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]Anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn không có mặt nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

HĐXX nhận thấy:

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/3/2016 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, nên luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng luôn cãi cọ lẫn nhau. Chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 10/2016 cho đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này chị T và anh T đều công nhận và đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[3] Về con cái: Chị T và anh T có một con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 02/10/2016. Hiện cháu H đang còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc của mẹ, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh T cũng đồng ý, nên chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Bùi Thị Thu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

[4] Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị T và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Bùi Thị Thu H, sinh ngày 02/10/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh T cũn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2013/ 04109 ngày 04/4/2017. Chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Bùi Văn T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh T. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc